

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TƯ NGHĨA  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Na Na

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Bốn

2. Ông Nguyễn Hồng Sơn

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Phương T, sinh năm 1998;

*Địa chỉ:* Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi;

*Bị đơn:* Anh Lê Sơn Trường V, sinh năm 1985;

*Địa chỉ:* Số 152 N, Tổ dân phố 3, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

*Chị Lê Phương T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lê Sơn Trường V vắng mặt không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Phương T, trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2018, chị Lê Phương T kết hôn với anh Lê Sơn Trường V và được Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/12/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và sinh 01 con chung cháu Lê Nhã Q, sinh 14/10/2017. Ba năm sau thì giữa chị T và anh V phát sinh mâu thuẫn, anh V thường xuyên ghen tuông vô cớ và đánh đập chị T. Gần đây nhất, năm 2021 anh V đã có hành

vì đánh chị T hậu quả gãy xương hàm, phải nằm viện để điều trị. Từ đó, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh V ngày càng mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được, vợ chồng không còn hạnh phúc. Năm 2021, chị T đã có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa yêu cầu xin được ly hôn với anh Lê Sơn Trường V. Tuy nhiên, vì con chung muốn có tình thương giữa cha với mẹ nên khi được sự hòa giải của Tòa án thì chị T đã rút đơn khởi kiện và cho anh V cơ hội để hàn gắn tình cảm. Nhưng anh V vẫn không thay đổi. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Sơn Trường V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa chị Lê Phương T với anh Lê Sơn Trường V có 01 con chung tên là cháu Lê Nhã Q, sinh ngày 14/10/2017. Hiện nay cháu Q đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q. Tại bản tự khai ngày 10/01/2022 chị Lê Phương T yêu cầu anh Lê Sơn Trường V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lê Nhã Q mỗi tháng 2.000.000đồng. Tuy nhiên, tại bản trình bày ý kiến ngày 08/3/2022 chị Lê Phương T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Phương T trình bày đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Tại bản tự khai ngày 28/12/2021 bị đơn anh Lê Sơn Trường V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh với chị T có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa vào ngày 26/12/2018. Trong quá trình sống chung với chị T giữa anh với chị T đã phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn giữa anh với chị T không thể hàn gắn với nhau. Vì vậy, bị đơn đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Giữa anh với chị T có 01 con chung, cháu Lê Nhã Q, sinh ngày 14/10/2017. Hiện nay cháu Q đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Q. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh Lê Sơn Trường V trình bày như sau, giữa anh với chị T có các tài sản gồm 2,7 cây vàng; 01 cây xe mô tô hiệu SH Model biển số 76F1 141.03; 01 xe mô tô hiệu Wave S biển số 76H1 13476 và 01 sổ tiết kiệm trị giá 70.000.000đồng. Khi ly hôn, bị đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không có.

*\*Tại biên bản xác minh ngày 07/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa về điều kiện sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Lê Phương T và anh Lê Sơn Trường V:*

Đại diện Hội Liên Hiệp phụ nữ xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa cho biết Hội phụ nữ xã không biết được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Lê Phương T và anh Lê Sơn Trường V, vì Hội Liên Hiệp phụ nữ xã không nghe chị T hay anh V báo với Hội Liên Hiệp phụ nữ xã về mâu thuẫn hay có đơn thư nhờ Hội Liên Hiệp phụ nữ xã can thiệp cũng như Chi hội phụ nữ thôn An Đại 03, xã Nghĩa Phương báo. Nên về trường hợp này Hội Liên Hiệp phụ nữ xã Nghĩa Phương không rõ.

*\*Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Phương T. Giao con chung cháu Lê Nhã Q, sinh ngày 14/10/2017 cho chị Lê Phương T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có.

Về án phí sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Hiện nay, bị đơn anh Lê Sơn Trường V có nơi cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.2] Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, bị đơn anh Lê Sơn Trường V đã đến Tòa án làm việc và có bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án. Tuy nhiên, tại các giai đoạn tố tụng sau, mặc dù Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn: Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 19/TB-TA ngày 14/01/2022; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-DS ngày 31-3-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-DS ngày 15/4/2022, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ, quy định khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Phương T và anh Lê Sơn Trường V tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Phương T và anh Lê Sơn Trường V là hợp pháp, quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, thời gian đầu sau khi kết hôn chị Lê Phương T và anh Lê Sơn Trường V sống với nhau hạnh phúc, sau khi sinh được 01 con chung thì cuộc sống hôn nhân giữa chị T với anh V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh V ghen tuông vô cớ, đánh đập chị T. Từ đó, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh V mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không giải quyết được. Vợ chồng không còn hạnh phúc. Trước đây, chị T đã cho anh V cơ hội để hàn gắn tình cảm. Nhưng anh V vẫn không thay đổi. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn, anh Lê Sơn Trường V đã có bản tự khai đồng ý ly hôn với chị T.

Nhằm mục đích động viên, hòa giải, đoàn tụ giữa chị T, anh V, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa đã triệu tập anh V nhiều lần đến Tòa án để tiến hành làm việc. Nhưng anh V không đến Tòa cũng như không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, chứng tỏ anh V không quan tâm đến sự hàn gắn trong quan hệ vợ chồng, điều này phù hợp với lời trình bày của chị T là quan hệ tình cảm vợ chồng đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Phương T, cho chị Lê Phương T được ly hôn với anh Lê Sơn Trường V, là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình vợ chồng sống chung, giữa chị T với anh V có 01 con chung, cháu Lê Nhã Q, sinh ngày 14/10/2017, Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Lê Nhã Q hiện đang được chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tại bản tự khai bị đơn anh Lê Sơn Trường V có ý kiến và có nguyện vọng đồng ý giao cháu Lê Nhã Q cho chị Lê Phương T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Vì vậy, để đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt của cháu Q, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Phương T, giao con chung cháu Lê Nhã Q cho chị Lê Phương T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Phương T không yêu cầu anh Lê Sơn Trường V cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, bị đơn anh Lê Sơn Trường V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung giữa

bị đơn với nguyên đơn. Ngày 14/01/2022 Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa đã ban hành thông báo số 19/TB-TA yêu cầu bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bị đơn. Đã hết thời hạn nêu tại Thông báo số 19/TB-TA ngày 14/01/2022 nhưng bị đơn không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí mà không có lý do chính đáng. Ngày 26/01/2022, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa đã có giấy triệu tập số 20/2022/TA triệu tập bị đơn đến Tòa án để làm việc về đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, giấy triệu tập trên bị đơn đã nhận, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Lê Phương T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Phương T được ly hôn với anh Lê Sơn Trường V.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Lê Nhã Q, sinh ngày 14 -10 -2017 cho chị Lê Phương T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Phương T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000972 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Phương T và anh Lê Sơn Trường V đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Phương;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Lê Thị Na Na**